

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28/5/2026
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Đình Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hà Thị Thu và ông Lê Mạnh Cường.

- Thư ký phiên tòa: ông Hoàng Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Ngô Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị H, sinh năm: 1989; số hộ chiếu: P01331470; cấp ngày 15/01/2023; nơi đăng ký cư trú: xóm A N, xã N, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện tại: số E, khu vực H, thị trấn T, thành phố H, tỉnh Yanmanashi, Nhật Bản. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng và nộp án phí, lệ phí của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn H1, số CCCD: 038202013558 và bà Nguyễn Thị K, số CCCD: 036301000579; cùng nơi cư trú: số C, ngõ A N, phường Y, thành phố Hà Nội. Đều vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Tiến Đ - Luật sư thuộc công ty L và Cộng sự - Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: số E L, phường T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1986; số CCCD: 022086006158; nơi cư trú: số F thôn M, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ nơi làm việc: tổ G, khu phố T, phường P, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 6 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Tuấn A tự do tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) ngày 25/6/2020 theo Trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Thời gian sau kết hôn, vợ chồng có cuộc sống hòa thuận, đến tháng 5/2021 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi nhau, khiến tình cảm vợ chồng không còn được như trước. Nguyên nhân là do vợ chồng có khác biệt về quan niệm, lối sống và tính cách không hòa hợp. Chị và anh T không thể tìm được biện pháp hay tiếng nói chung để tiếp tục duy trì cuộc sống. Ngày 01/8/2023, chị sang Nhật Bản sinh sống và làm việc. Kể từ tháng 5/2021 đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi không còn tình cảm với nhau nữa. Đến nay chị khởi kiện cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Anh T.

Về con chung: chị và anh Nguyễn Anh T không có con chung.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị và anh Nguyễn Anh T không có.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có ý kiến đề nghị không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản tự khai ngày 10/01/2026 bị đơn anh Nguyễn Anh T trình bày: về thời điểm chung sống và đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: anh và chị H có 01 (một) con chung là Phạm Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 22/10/2019, cháu C được sinh ra trước khi anh và chị Hoa đăng K1 kết hôn. Anh đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: anh và chị H không có.

Ngày 13/02/2026, bị đơn anh Nguyễn Anh T có văn bản trình bày gửi Tòa án với nội dung: tại bản tự khai ngày 10/01/2026, anh có trình bày anh và chị H có 01 (một) con chung là Phạm Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 22/10/2019, do cháu C sinh ra trước khi anh và chị H kết hôn do vậy đây không phải là con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân. Sau khi anh trao đổi với chị H, anh chưa có căn cứ để xác định cháu Phạm Nguyễn Quỳnh C có phải là con chung của anh và chị H hay không. Do vậy, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này và xác định trong thời kỳ hôn nhân anh và chị H không có con chung. Sau này, nếu có căn cứ xác định cháu Phạm Nguyễn Quỳnh C là con chung của anh và chị H, anh sẽ làm đơn yêu cầu khởi kiện bằng vụ án khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Anh T đề nghị không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Lê Tiến Đ vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn: chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Anh T kết hôn với nhau ngày 25 tháng 06 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp theo quy định của pháp luật. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã

phát sinh nhiều bất đồng về quan điểm sống, cách ứng xử và việc duy trì đời sống gia đình. Những mâu thuẫn này không chỉ mang tính nhất thời mà đã kéo dài trong một khoảng thời gian nhất định, ảnh hưởng trực tiếp đến tình cảm vợ chồng, làm cho quan hệ hôn nhân ngày càng rạn nứt. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm về ly hôn theo yêu cầu của một bên, xét thấy có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Anh T theo đúng quy định của pháp luật. Về con chung, chị H anh T không có con chung, về tài sản chung và khoản nợ chung không có, nên không đề cập giải quyết.

* Kết quả thu thập tài liệu chứng cứ:

- Ngày 12/3/2026, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 11/2026/QĐ-CCTLCC đối với Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Ninh Bình là cơ quan, tổ chức đang quản lý, lưu giữ tài liệu là Giấy khai sinh cháu Phạm Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 22/10/2019. Kết quả thu thập chứng cứ: tại Giấy khai sinh (bản sao) ngày 17/3/2026 do Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Ninh Bình cung cấp, người được khai sinh Phạm Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 22/10/2019, quê quán: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; họ và tên người mẹ: Phạm Thị H; họ và tên người cha: không có; họ và tên người đi khai sinh: Phạm Thị H.

* Các sự kiện không phải chứng minh, tình tiết các đương sự đã thống nhất, như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: hai đương sự thống nhất về thời điểm chung sống, thời điểm kết hôn, nơi kết hôn và thống nhất ly hôn.

- Về con chung: hai đương sự không có con chung.

- Về tài sản chung và khoản nợ chung: hai đương sự không có.

* Các tình tiết các đương sự không thống nhất:

- Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quyền hạn của mình. Việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 195, 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã thực hiện chức năng nhiệm vụ, đảm bảo đúng thành phần tham gia phiên tòa. Thủ tục tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Phạm Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Anh T. Về con chung, tài sản chung và khoản nợ chung: không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, do vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Bị đơn có cư trú tại số F thôn M, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

[1.2] Về công nhận giấy tờ, tài liệu do cá nhân cư trú ở nước ngoài lập: đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn được lập tại Nhật Bản, bằng tiếng Việt, có chữ ký của nguyên đơn đã được Cơ quan đại diện ngoại giao nước C1 tại Nhật Bản chứng thực, đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 Nghị định số: 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Do đó, các tài liệu này được Tòa án công nhận theo quy định tại Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.3] Việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: trong quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị không tiến hành hòa giải, vụ án được xác định thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành thông báo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ cho các đương sự theo quy định tại khoản 5 Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.4] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự: tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã triệu tập họp lệ, đều có ý kiến và văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Anh T trên cơ sở tìm hiểu đã cùng nhau tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) ngày 25/6/2020. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, nguyên đơn trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do khác biệt về quan niệm, lối sống và tính cách không hòa hợp. Sau nhiều lần hàn gắn tình cảm thì cuộc sống vợ chồng không có nhiều tiến triển tốt, không thể tìm được biện pháp hay tiếng nói chung để tiếp tục duy trì cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2021, mỗi người một nơi không còn tình cảm với nhau nữa. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn anh Nguyễn Anh T đồng ý ly hôn, đồng nghĩa thừa nhận thực trạng cuộc sống vợ chồng. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và khoản nợ chung: hai đương sự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 97, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Anh T.

2. Về con chung: hai đương sự không có.

3. Về tài sản chung và khoản nợ chung: hai đương sự không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thị H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001446 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Phạm Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát KV4 - Quảng Ninh;
- Phòng THADSKV4 - Quảng Ninh;
- UBND xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đình Khoa